

09/03/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Anh Tùng
 tungna@kbsec.com.vn

4Q2022, LNTT đạt 5,349 tỷ VND, tăng 45.4% YoY

4Q2022, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 12,848 tỷ VND (-0.6% QoQ, +23.6% YoY); LNTT đạt 5,349 tỷ VND (+28.7% QoQ, + 45.4% YoY). Lũy kế cả năm 2022, LNTT đạt 19,972 tỷ VND, tăng 19.4% YoY với tăng trưởng tín dụng đạt 12.1%.

NIM 2022 đạt 2.98%, giảm 3bps YoY

Chi phí đầu vào bình quân 2022 đạt 3.71% (+23bps QoQ, +65bps YoY) chủ yếu do lãi suất huy động thị trường 1 và 2 đều tăng mạnh trong 2H2022 được bù đắp bằng lãi suất đầu ra tăng tốt giúp NIM đạt 2.98%, chỉ giảm 3bps YoY.

Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.24%, giảm 18bps QoQ tuy nhiên nợ nhóm 2 tăng mạnh 55bps QoQ

Tỷ lệ nợ xấu 4Q2022 đạt 1.24%, giảm 18bps QoQ có sự đóng góp không nhỏ từ việc đẩy mạnh xử lý nợ xấu 15,018 tỷ VND trong 4Q2022. Trong khi đó nợ nhóm 2 tăng 55bps QoQ cho thấy các áp lực từ diễn biến vĩ mô tiêu cực bắt đầu có tác động đến chất lượng tài sản của CTG.

Kế hoạch 2023 tích cực với tăng trưởng tín dụng đạt 10-12%, NIM đi ngang, trích lập dự phòng giảm

CTG công bố kế hoạch kinh doanh dự kiến với tổng tài sản tăng 5-10%; tăng trưởng tín dụng kỳ vọng 10-12%; NIM kỳ vọng đi ngang với kỳ vọng chi phí vốn có xu hướng hạ trong năm 2023. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến <1.8%, trích lập dự phòng dự kiến đạt 12,000 – 15,000 tỷ VND trong năm 2023.

Khuyến nghị **NĂM GIỮ**, giá mục tiêu 32,600 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu CTG. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 32,600VND/cp, cao hơn 10.1% so với giá tại ngày 09/03/2023.

NĂM GIỮ

Giá mục tiêu **VND32,600**

Tăng/Giảm	10.1%
Giá hiện tại (09/03/2023)	VND29,400
Giá mục tiêu thị trường	VND34,067
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	141,289

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	15.81%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	96/4.0
Sở hữu nước ngoài (%)	28.09%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (64.46%)

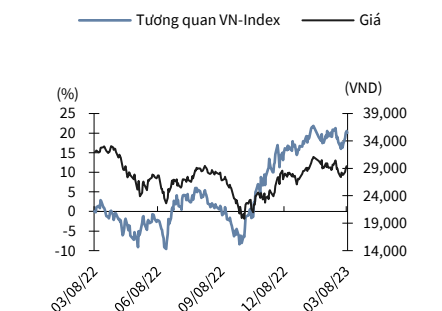
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	1	7	7	-8
Tương đối	1	5	22	20

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	41,788	47,930	52,094	57,410
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	35,971	45,277	49,283	54,757
LNST (tỷ VND)	14,215	16,972	17,892	20,475
EPS (VND)	2,932	3,518	3,710	4,247
Tăng trưởng EPS (%)	-20%	20%	5%	14%
PER (x)	10.0	8.4	7.9	6.9
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,487	22,536	25,446	28,893
PBR (x)	1.51	1.30	1.16	1.02
ROE (%)	15.9%	16.8%	15.5%	15.7%

Nguồn: Fiiinpro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Hoạt động kinh doanh

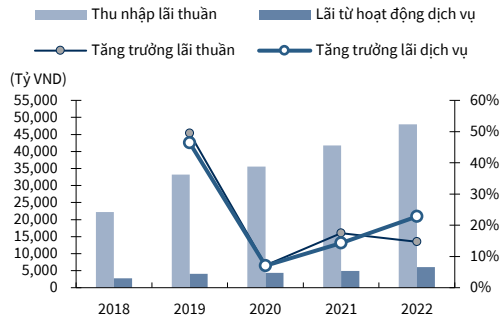
4Q2022, LNTT đạt 5,349 tỷ VND, tăng 45.4% YoY

4Q2022, CTG có thu nhập lãi thuần đạt 12,848 tỷ VND (-0.6% QoQ, +23.6% YoY); thu nhập ngoài lãi đạt 4,398 tỷ VND (-0.1% QoQ, +26% YoY) giúp TOI đạt 17,245 tỷ VND (-0.5% QoQ, +24.2% YoY). Chi phí trích lập dự phòng duy trì ở mức trung bình sau khi đã đẩy mạnh trong 3Q2022 khiến LNTT đạt 5,349 tỷ VND (+28.7% QoQ, + 45.4% YoY). Lũy kế cả năm 2022, LNTT đạt 19,972 tỷ VND, tăng 19.4% YoY với tăng trưởng tín dụng đạt 12.1%.

NIM 2022 đạt 2.98%, giảm 3bps YoY

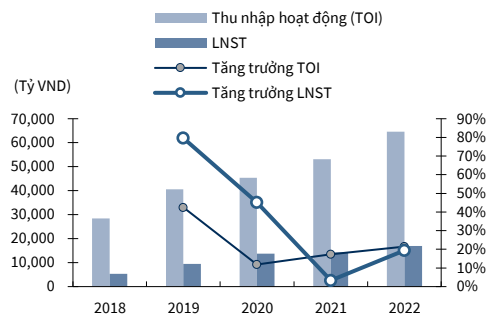
Chi phí đầu vào bình quân 2022 đạt 3.71% (+23bps QoQ, +65bps YoY) chủ yếu do lãi suất huy động thị trường 1 và 2 đều tăng mạnh trong 2H2022. Tuy nhiên, lãi suất bình quân đầu ra tăng tốt, đạt 6.51% (+23bps QoQ, +43bps YoY) nhờ tăng tỷ trọng cho vay bán lẻ - SME, vốn là nhóm có tỷ suất lợi nhuận cao hơn giúp NIM đạt 2.98%, giảm 3bps YoY. Theo quan điểm của KBSV, ảnh hưởng của câu chuyện tăng lãi suất huy động sẽ phản ánh rõ nét vào NIM hơn trong nửa đầu năm 2023.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng thu nhập lãi thuần và lãi từ hoạt động dịch vụ 2018-2022 (YoY)



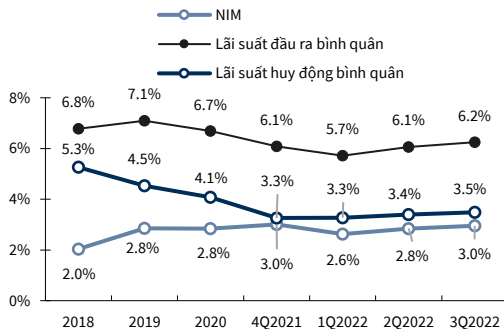
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 2. Tăng trưởng thu nhập hoạt động và LNST 2018-2022 (YoY)



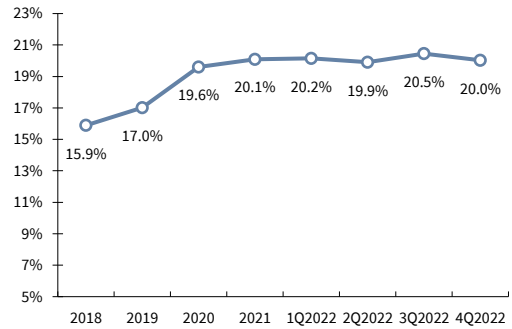
Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 3. Biến động lãi suất - NIM giai đoạn 2018-2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 4. Tỷ lệ CASA của CTG giai đoạn 2018-2022

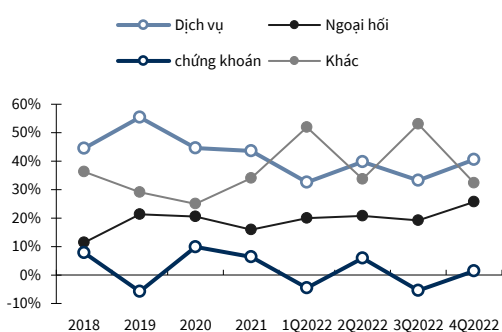


Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

NOII 4Q2022 đạt 4,398 tỷ VND, tăng 26.0% YoY

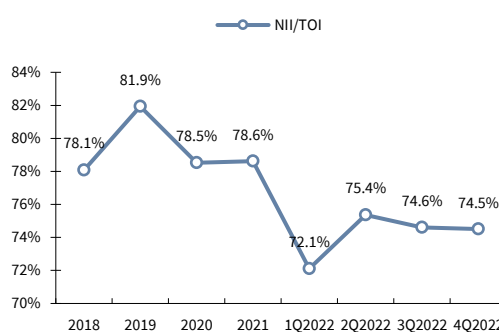
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ 4Q2022 đạt 1,786 tỷ VND (+21.8% QoQ, +54.2% YoY) trong đó lãi từ hoạt động bảo hiểm tăng 35.4% YoY và lãi từ hoạt động khác tăng 47.2% YoY. Lãi từ hoạt động FX đạt 1,130 tỷ VND, tăng 147.0% YoY với thị phần FX thị trường 2 và thị trường 1 lần lượt đạt ~13% và ~14%. Lãi từ hoạt động khác đạt 1,377 tỷ VND, giảm 6.3% YoY do phần thu hồi nợ đã xử lý rủi ro bắt đầu tăng từ 4Q2022 khiến NOII đạt 4,398 tỷ VND, tăng 26.0% YoY. Lũy kế cả năm 2022, NOII đạt 16,650 tỷ VND, tăng 46.5% YoY nhờ tăng trưởng cao ở NFI, FX và thu nhập khác.

Biểu đồ 6. Cơ cấu thu nhập ngoài lãi 2018-2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Biểu đồ 7. Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/thu nhập hoạt động 2018-2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

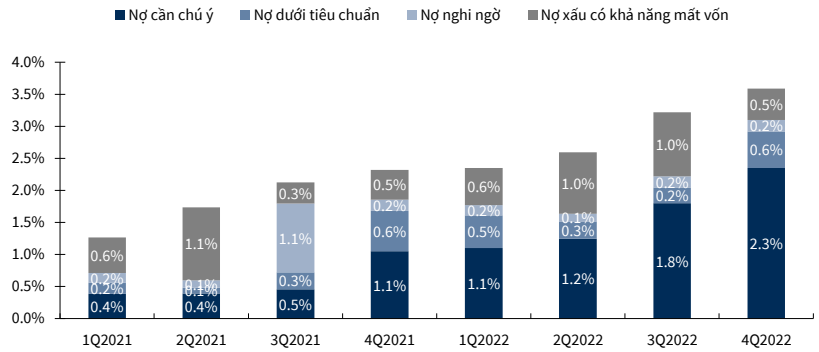
Tỷ lệ nợ xấu đạt 1.24%, giảm 18bps QoQ tuy nhiên nợ nhóm 2 tăng mạnh 55bps QoQ

Tỷ lệ nợ xấu 4Q2022 đạt 1.24%, giảm 18bps QoQ trong đó nợ nhóm 5 giảm 51bps QoQ và nợ nhóm 3 tăng 33bps QoQ. NPL được cải thiện có sự đóng góp không nhỏ từ việc đẩy mạnh xử lý nợ xấu 15,018 tỷ VND trong. Trong khi đó nợ nhóm 2 tăng 55bps QoQ cho thấy các áp lực từ diễn biến vĩ mô tiêu cực bắt đầu có tác động đến chất lượng tài sản của CTG. Áp lực nợ xấu theo quan điểm của KBSV sẽ gia tăng trong năm 2023 khi thị trường bất động sản đang có những dấu hiệu suy yếu về cả giá và thanh khoản gây ảnh hưởng đến chất lượng tài sản của các ngân hàng. Tính đến thời điểm hiện tại, Dư nợ cho vay dự án chiếm 5% dư nợ tín dụng, tỷ lệ nợ xấu <1%, dư nợ cho vay mua nhà chiếm 12% dư nợ tín dụng, tỷ lệ nợ xấu ~ 1%.

Trích lập dự phòng ở mức trung bình, đạt 5,533 tỷ VND, giảm 33.5% YoY, tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 188.4%

CTG duy trì trích lập dự phòng ở mức trung bình, đạt 5,533 tỷ VND (-33.5% QoQ, +26.4% YoY) sau khi đã đẩy mạnh trích lập trong 3Q2023. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 188.4%, cao thứ 4 hệ thống ngân hàng sau VCB, MBB và BID. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu ở mức cao giúp CTG linh động hơn trong công tác trích lập và xử lý nợ xấu trong năm 2023.

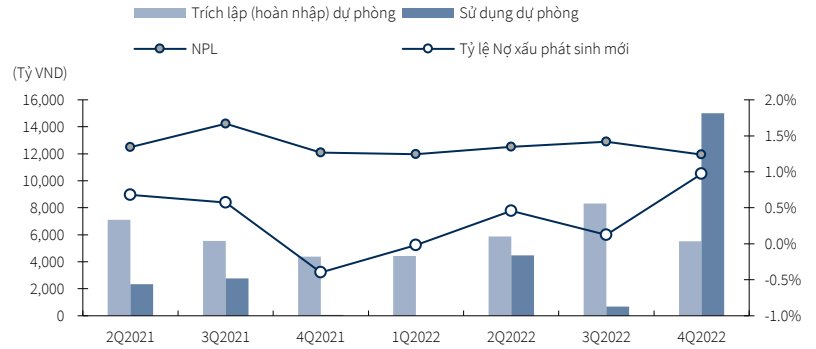
Biểu đồ 8. Cơ cấu nợ xấu & nợ cần chú ý của CTG giai đoạn 2021-2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Tỷ lệ nợ xấu phát sinh mới tăng cao trong 4Q2022 cho thấy các rủi ro tiềm tàng ảnh hưởng đến chất lượng tài sản trong thời gian tới.

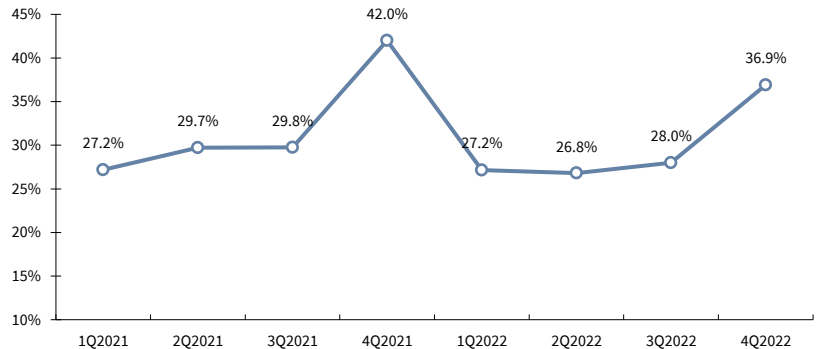
Biểu đồ 9. NPL – trích lập dự phòng 2021-2022 (QoQ)



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

CIR 4Q2022 đạt 36.9%, thấp hơn 5.1pp YoY phản ánh nỗ lực giảm chi phí và hiệu quả chuyển đổi số của CTG

Biểu đồ 10. Tỷ lệ CIR của CTG giai đoạn 2021-2022



Nguồn: Báo cáo công ty, KBSV

Kế hoạch 2023 tích cực với tăng trưởng tín dụng đạt 10-12%, NIM đi ngang, trích lập dự phòng giảm

Tại buổi gặp mặt chuyên viên phân tích mới đây, CTG công bố kế hoạch kinh doanh dự kiến với tổng tài sản tăng 5-10%; tăng trưởng tín dụng kỳ vọng 10-12% và phụ thuộc vào hạn mức tín dụng NHNN cấp; NIM dự kiến đi ngang với kỳ vọng chi phí vốn có xu hướng hạ khoảng 0.2 – 0.5pp trong năm 2023. Đối với mảng dịch vụ, CTG sẽ tiếp tục tập trung khai thác nguồn thu phí bảo lãnh, tài trợ thương mại, thu phí thẻ, khai thác phí bảo hiểm trong khi mảng FX vẫn

được kì vọng tăng trưởng tốt khoảng 30-50% YoY. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến <1.8%, trích lập dự phòng dự kiến đạt 12,000 – 15,000 tỷ VND trong năm 2023.

Dự phóng kết quả kinh doanh

Dự phóng kết quả kinh doanh năm 2023

Chúng tôi đưa ra dự phóng cho CTG trong năm 2023 như sau:

- Dự phóng tăng trưởng tín dụng năm 2023 đạt 11.0%.
- Chúng tôi ước tính NIM 2023 giảm 11bps YoY, đạt 2.88% do ảnh hưởng của lãi suất tăng cao trong 2H2022 phản ánh vào chi phí vốn trong 1H2023.
- Dự phóng NPL đạt 1.60%, tăng 36bps YoY với tỷ lệ nợ xấu phát sinh mới đạt 1.61%, tăng 9bps YoY phản ánh quan điểm thận trọng về chất lượng tài sản trong giai đoạn kinh tế vĩ mô có nhiều biến động kém tích cực.
- Chi phí trích lập dự phòng đạt 26,918 tỷ VND, tăng 11.4% YoY.
- Chúng tôi dự phóng LNST năm 2023 đạt 17,892 tỷ VND, tăng 5.4% YoY.

Bảng 11. Dự phóng KQKD 2022 -2024

	2022	2023F	2024F	% YoY 2023	%YoY 2024
Thu nhập lãi thuần	47,930	52,094	57,410	8.7%	10.2%
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	6,089	7,041	8,449	15.6%	20.0%
Tổng thu nhập hoạt động	64,580	70,405	78,224	9.0%	11.1%
Chi phí trích lập dự phòng	(24,163)	(26,918)	(29,164)	11.4%	8.3%
Lợi nhuận sau thuế	16,972	17,892	20,475	5.4%	14.4%
NIM	2.98%	2.87%	2.88%	-11bps	1bps
Lãi suất đầu ra bình quân	6.51%	6.47%	6.43%	-5bps	-3bps
Lãi suất đầu vào bình quân	3.71%	3.76%	3.73%	5bps	-3bps
CIR	29.9%	30.0%	30.0%	11bps	0bps
NPL	1.24%	1.60%	1.60%	36bps	0bps
Tổng tài sản	1,809,189	1,977,464	2,176,729	9.3%	10.1%
Vốn chủ sở hữu	108,305	122,288	138,854	12.9%	13.5%

Nguồn: KBSV

Định giá – Khuyến nghị **NẮM GIỮ**, giá 32,600 đồng/cổ phiếu

Chúng tôi kết hợp 2 phương pháp định giá là P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư để tìm ra mức giá hợp lý cho cổ phiếu CTG.

(1) Phương pháp định giá P/B

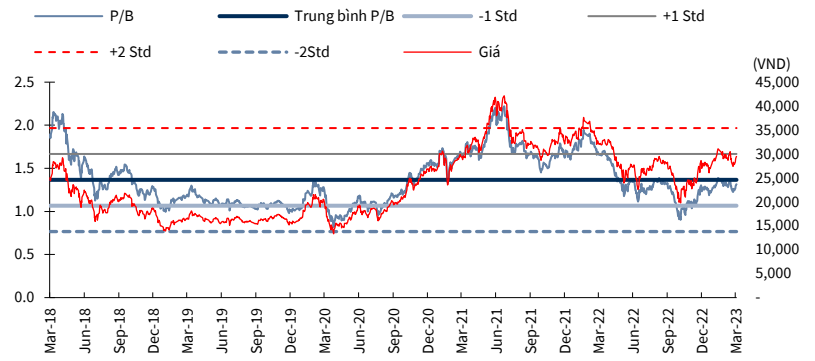
Chúng tôi điều chỉnh thận trọng mức P/B dự phóng 2023 về mức 1.09x tương đương -1std của trung bình P/B 5 năm của CTG, phản ánh lo ngại chung đối với nhóm ngân hàng do ảnh hưởng của diễn biến tiêu cực từ thị trường bất động sản, trái phiếu và nền kinh tế nói chung

(2) Phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Bảng 14)

Bên cạnh đó, chúng tôi kết hợp sử dụng thêm phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư để phản ánh rủi ro hệ thống và kỳ vọng dài hạn.

Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối cùng cho cổ phiếu CTG cho năm 2023 là 32,600 đồng/cổ phiếu, cao hơn 10.5% so với giá ngày 8/3/2023.

Biểu đồ 12. Chỉ số P/B của CTG giai đoạn 2018-2023



Nguồn: Fiinpro, KBSV

Bảng 13. Cổ phiếu CTG – Định giá 2023 phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư

Tỷ đồng	2023F	2024F	2025F
Lợi nhuận sau thuế	17,892	20,475	26,632
Lợi nhuận thặng dư	909	1,191	4,192
Chi phí vốn (r)	13.89%		
Tăng trưởng (g)	5.0%		
Giá trị cuối cùng	26,203		
Giá trị hợp lý cuối 2023	180,657		
Giá trị cổ phiếu CTG	37,592		

Nguồn: KBSV

Bảng 14. Tổng hợp các phương pháp định giá – giá mục tiêu

Phương pháp định giá	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
P/B	27,736	50%	13,868
Lợi nhuận thặng dư	37,592	50%	18,796
Giá mục tiêu			32,600

Nguồn: KBSV

Ngân hàng VietinBank (CTG) – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2020A-2024F

Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh						Bảng cân đối kế toán					
(Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F	2024F	(Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần	35,581	41,788	47,930	52,094	57,410	Cho vay khách hàng	1,002,772	1,104,873	1,245,058	1,376,618	1,528,046
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	83,678	84,628	104,651	117,240	128,173	Chứng khoán kinh doanh	5,602	2,475	1,420	1,711	1,899
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(48,097)	(42,840)	(56,721)	(65,146)	(70,763)	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý (trừ dự trữ bắt buộc)	9,930	11,331	11,067	13,038	14,472
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động dịch vụ	4,341	4,961	6,089	7,041	8,449	Tài sản có sinh lời	1,296,501	1,483,561	1,729,653	1,895,871	2,088,264
Lãi/(Lỗ) thuần từ hoạt động khác	1,910	3,398	6,605	6,846	7,627	Tài sản cố định và tài sản khác	47,904	61,209	95,427	104,215	113,921
Tổng thu nhập hoạt động	45,317	53,157	64,580	70,405	78,224	Tổng tài sản	1,341,436	1,531,587	1,809,189	1,977,464	2,176,729
Chi phí hoạt động	(16,085)	(17,186)	(19,304)	(21,121)	(23,467)	Tiền gửi của khách hàng	990,331	1,161,848	1,249,181	1,401,042	1,555,156
LN thuần trước CF DPRRTD	29,232	35,971	45,277	49,283	54,757	Các khoản vay phải sinh, giấy tờ có giá	62,609	67,025	93,763	107,754	119,203
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(12,147)	(18,382)	(24,163)	(26,918)	(29,164)	Các khoản nợ chịu lãi	1,226,056	1,401,001	1,657,883	1,810,495	1,987,482
Thu nhập khác	2,695	4,516	7,588	8,054	8,973	Các khoản nợ khác	29,969	36,937	43,001	44,681	50,393
Chi phí khác	(785)	(1,118)	(984)	(1,208)	(1,346)	Tổng nợ phải trả	1,256,025	1,437,938	1,700,884	1,855,176	2,037,875
Tổng lợi nhuận trước thuế	17,085	17,589	21,113	22,365	25,593	Vốn điều lệ	37,234	48,058	48,058	48,058	48,058
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(3,328)	(3,374)	(4,141)	(4,473)	(5,119)	Thặng dư vốn cổ phần	8,975	8,975	8,975	8,975	8,975
LNST	13,757	14,215	16,972	17,892	20,475	Lợi nhuận chưa phân phối	26,001	21,488	33,487	47,471	64,037
Lợi ích của cổ đông thiểu số	(64)	(127)	(64)	(64)	(64)	Các khoản điều chỉnh vốn	-	-	-	-	-
LNST ngân hàng mẹ	13,694	14,089	16,908	17,828	20,411	Vốn chủ sở hữu	85,411	93,650	108,305	122,288	138,854

Chỉ số tài chính (%)	2020	2021	2022	2023F	2024F	Định giá (đồng, X, %)	2020	2021	2022	2023F	2024F
Khả năng sinh lời						Chỉ số về giá					
ROE	16.9%	15.9%	16.8%	15.5%	15.7%	EPS cơ bản	3,678	2,932	3,518	3,710	4,247
ROA	1.1%	1.0%	1.0%	0.9%	1.0%	Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	22,939	19,487	22,536	25,446	28,893
ROE trước dự phòng	28.8%	32.3%	36.0%	34.2%	33.5%	Giá trị sổ sách hữu hình/CP (Tangible BVPS)	21,757	18,592	21,672	24,591	28,050
ROA trước dự phòng	1.8%	2.0%	2.2%	2.1%	2.1%	Chỉ số định giá					
Biên lãi ròng (NIM)	2.8%	3.0%	3.0%	2.9%	2.9%	PER	8.0	10.0	8.4	7.9	6.9
Hiệu quả hoạt động						PBR	1.3	1.5	1.3	1.2	1.0
LDR thuần	102.5%	97.3%	102.1%	101.0%	101.0%	Tỉ lệ cổ tức	0.0%	2.7%	2.7%	2.7%	2.7%
CIR	35.5%	32.3%	29.9%	30.0%	30.0%	ROE	16.9%	15.9%	16.8%	15.5%	15.7%
Tốc độ tăng trưởng						An toàn vốn					
Tăng trưởng tổng tài sản	8.1%	14.2%	18.1%	9.3%	10.1%	Tỉ lệ an toàn vốn(CAR)	>8%	9.1%	>8%	>8%	>8%
Tăng trưởng cho vay khách hàng	8.7%	10.2%	12.7%	10.6%	11.0%	Chất lượng tài sản					
Tăng trưởng LN thuần trước DPRRTD	17.9%	23.1%	25.9%	8.8%	11.1%	NPL (nợ xấu nhóm 3-5)	0.9%	1.3%	1.2%	1.6%	1.6%
Tăng trưởng LNST ngân hàng mẹ	44.7%	2.9%	20.0%	5.4%	14.5%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu nhóm 3-5)	132.2%	180.4%	188.4%	169.8%	169.8%
Tăng trưởng EPS	44.7%	-20.3%	20.0%	5.4%	14.5%	SML (nợ xấu và nợ c/nhúy)	1.2%	2.3%	3.6%	3.9%	3.9%
Tăng trưởng BVPS	10.4%	-15.0%	15.6%	12.9%	13.5%	Độ bao phủ nợ xấu (nợ xấu và nợ cần chú ý)	102.1%	98.4%	65.1%	69.6%	69.6%

Nguồn: Báo cáo công ty & KBSV

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên phân tích cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
Nguyennd1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuannnd@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

